Người ký: ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Email: vpubndtpct@cantho.gov.vn
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Thời gian ký: 06.01.2023 15:36:32 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 01 /2023/QĐ-UBND	*Cần Thơ, ngày 06 tháng 01 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định nội dung chi, mức chi và quản lý, sử dụng Quỹ Phòng, chống thiên tai thành phố Cần Thơ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Thông tư số 85/2020/TT-BTC ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí phục vụ hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này Quy định nội dung chi, mức chi và quản lý, sử dụng Quỹ Phòng, chống thiên tai thành phố Cần Thơ (sau đây gọi tắt là Quỹ).

b) Những nội dung chi, mức chi thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai không quy định tại Quyết định này áp dụng theo quy định tại các văn bản của Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân là người Việt Nam; tổ chức, cá nhân người nước ngoài đang sinh sống, học tập, làm việc trên địa bàn thành phố Cần Thơ bị ảnh hưởng do thiên tai.

b) Cơ quan, tổ chức có chức năng, nhiệm vụ quản lý hoạt động Quỹ Phòng, chống thiên tai thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Nguyên tắc chi Quỹ

1. Việc chi của Quỹ phải đảm bảo đúng đối tượng, định mức phù hợp, kịp thời, hiệu quả và công khai, minh bạch.

2. Thực hiện hỗ trợ cho các đơn vị, địa phương đã chủ động thực hiện các hoạt động cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai; hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai mà ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu theo khoản 1 Điều 4 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai.

Điều 3. Nguồn tài chính Quỹ

Nguồn tài chính Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ.

Điều 4. Nội dung chi, mức chi và phân bổ Quỹ

1. Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai; cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai; hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa thiên tai trên địa bàn thành phố *(theo phụ lục đính kèm Quyết định này).*

2. Phân bổ Quỹ

a) Căn cứ nội dung chi của Quỹ tại khoản 1 Điều này và số thu Quỹ thực tế trên địa bàn mỗi cấp, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phân bổ cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã theo khoản 2 Điều 16 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ.

b) Chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai thành phố không vượt quá 3% tổng số thu của Quỹ phòng, chống thiên tai thành phố.

Điều 5. Thẩm quyền chi, báo cáo phê duyệt quyết toán, thanh tra, kiểm toán, giám sát và chế độ thông tin, công khai nguồn thu, chi Quỹ

Thực hiện theo quy định tại các Điều 17, Điều 18, Điều 19 và Điều 20 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .31.. tháng 01 năm 2023.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

1. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường giám sát việc triển khai, thực hiện Quyết định này.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ (HN - TP. HCM);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT. Thành ủy;
- TT. HĐND thành phố;
- CT, PCT UBND thành phố (1);
- UBMTTQVN thành phố và các đoàn thể;
- Các Sở, ban ngành thành phố;
- UBND quận, huyện;
- UBND xã, phường, thị trấn;
- Công báo thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- VP. UBND thành phố (2,3);
- Lưu: VT.HN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Hè

Phụ lục

NỘI DUNG CHI, MỨC CHI CỦA QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI THÀNH PHỐ CẦN THƠ

(Kèm theo Quyết định số: ..01../2023/QĐ-UBND ngày 06. /01/2023 của UBND thành phố Cần Thơ)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi hỗ trợ
1	**Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai**		
1.1	- Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm - Chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán	đồng/hộ/lần sơ tán đồng/người/ngày	300.000 đồng 150.000 đồng
1.2	Tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực có nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng, chống thiên tai; Hỗ trợ cho lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai		
a	Người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước	đồng/người/ngày	150.000 đồng *(trường hợp được huy động vào ban đêm từ 22 giờ ngày hôm trước đến 6 giờ sáng ngày hôm sau mức hỗ trợ gấp đôi)*
b	Người được hưởng lương từ ngân sách nhà nước	đồng/người/ngày	Mức chi theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư 85/2020/TT-BTC ngày 01/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
1.3	Hỗ trợ cho lực lượng thường trực trực ban, chỉ huy, chỉ đạo ứng phó thiên tai *(Người trực tại Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự-Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp được hưởng chế độ trực ban đêm, bắt đầu từ 22 giờ)*	đồng/người/ngày	- Mức 1: Trực có thời gian từ 04 giờ/01 ngày trở lên được hưởng mức tiền ăn thêm/01 ngày bằng 4% nhân với mức lương cơ sở theo quy định hiện hành. - Mức 2: Trực có thời gian từ 02 giờ đến dưới 04 giờ được hưởng mức tiền ăn

			thêm bằng 2% nhân với mức lương cơ sở theo quy định hiện hành.
2	**Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai**		
2.1	Cứu trợ khẩn cấp về lương thực cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai trong thời gian không quá 3 tháng cho mỗi đợt thiên tai	Kg/người/tháng	15 kg gạo
2.2	Cứu trợ khẩn cấp về nước uống, thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai	đồng/người/đợt	- Mức 1: Hộ nghèo, Người già neo đơn, Phụ nữ mang thai, Phụ nữ nuôi con nhỏ dưới 36 tháng hỗ trợ 600.000 đồng/người/đợt thiên tai. - Mức 2: Hộ cận nghèo, hộ gia đình khó khăn, trẻ em mồ côi hỗ trợ 500.000 đồng/người/đợt thiên tai. - Mức 3: Đối tượng khác hỗ trợ 300.000 đồng/người/đợt thiên tai.
2.3	Hỗ trợ tu sửa nhà ở		
a	Hộ có nhà ở bị đổ, sập, cuốn trôi do bão, áp thấp nhiệt đới, lốc xoáy, mưa lớn, lũ, ngập lụt, sạt lở, sụt lún đất bị hư hại hoàn toàn	đồng/hộ	Tối đa không quá 40.000.000 đồng
b	Hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn nhà ở bị hư hỏng nặng do thiên tai mà không ở được thì được xem xét hỗ trợ chi phí tu sửa nhà ở	đồng/hộ	Tối đa không quá 20.000.000 đồng
c	Hộ có nhà ở bị hư hỏng một phần do thiên tai nhưng vẫn còn ở được và không thuộc trường hợp bắt buộc phải di dời đến nơi ở mới	đồng/hộ	Tối đa không quá 10.000.000 đồng.
2.4	Hỗ trợ xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai	đồng/xã/phường/đợt	Tối đa không quá 20.000.000 đồng
2.5	Tu sửa cơ sở y tế, trường học, tu sửa nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai	đồng/cơ sở y tế/ trường học/nhà	Tối đa không quá 300.000.000 đồng
2.6	Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai		

2.6.1	Hỗ trợ đối với cây trồng		
	Diện tích lúa thuần bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	2.000.000 đồng
	Diện tích lúa thuần thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	1.000.000 đồng
	Diện tích mạ lúa thuần bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	20.000.000 đồng
	Diện tích mạ lúa thuần bị thiệt hại từ 30% -70%	đồng/ha	10.000.000 đồng
	Diện tích lúa lai bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	3.000.000 đồng
	Diện tích lúa lai bị thiệt hại từ 30% -70%	đồng/ha	1.500.000 đồng
	Diện tích mạ lúa lai bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	30.000.000 đồng
	Diện tích mạ lúa lai bị thiệt hại từ 30% -70%	đồng/ha	15.000.000 đồng
	Diện tích ngô và rau màu các loại thiệt hại trên 70%	đồng/ha	2.000.000 đồng
	Diện tích ngô và rau màu các loại thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	1.000.000 đồng
	Diện tích cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	4.000.000 đồng
	Diện tích cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	2.000.000 đồng
	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	40.000.000 đồng
	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	20.000.000 đồng
2.6.2	Hỗ trợ đối với nuôi thủy sản	đồng/ha	
	Diện tích nuôi cá truyền thống, các loài cá bản địa bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	10.000.000 đồng
	Diện tích nuôi cá truyền thống, các loài cá bản địa bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	7.000.000 đồng
	Nuôi cá lồng, bè bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	10.000.000 đồng
	Nuôi cá lồng, bè bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	7.000.000 đồng

	Diện tích nuôi cá rô phi đơn tính thâm canh bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	30.000.000 đồng
	Diện tích nuôi cá rô phi đơn tính thâm canh bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	20.000.000 đồng
	Diện tích nuôi trồng các loại thủy sản khác bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	6.000.000 đồng
	Diện tích nuôi trồng các loại thủy sản khác bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	4.000.000 đồng
2.6.3	Hỗ trợ đối với nuôi gia súc, gia cầm		
	Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng) đến 28 ngày tuổi	đồng/con	20.000 đồng
	Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng) trên 28 ngày tuổi	đồng/con	35.000 đồng
	Lợn đến 28 ngày tuổi	đồng/con	400.000 đồng
	Lợn trên 28 ngày tuổi	đồng/con	1.000.000 đồng
	Lợn nái và lợn đực giống đang khai thác	đồng/con	2.000.000 đồng
	Trâu, bò, ngựa đến 6 tháng tuổi	đồng/con	2.000.000 đồng
	Trâu, bò, ngựa trên 6 tháng tuổi	đồng/con	6.000.000 đồng
	Hươu, dê	đồng/con	2.500.000 đồng
2.7	Tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai; hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt cho những đoạn tuyến giao thông đường bộ quan trọng trên địa bàn bị sạt lở, sụt trượt. *(trừ các công trình giao thông nằm trong các Kế hoạch bảo trì đường bộ theo quy định của Thông tư 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ)*	đồng/công trình	Tối đa không quá 03 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư 01 công trình
2.8	Hỗ trợ kinh phí tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai	đồng/công trình	Tối đa không quá 03 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư 01 công trình
3	**Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa thiên tai**		

3.1	Hỗ trợ thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; Hỗ trợ phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng	đồng/năm	Mức chi thực hiện theo quy định tại Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quy định chế độ nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm, thông tin được đăng trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan Nhà nước; Nghị quyết số 19/2014/NQ-HĐND ngày 05/12/2014 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ Quy định một số mức chi đặc thù cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở và công tác hòa giải ở cơ sở. Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập
3.2	Lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai; diễn tập phòng chống thiên tai ở các cấp; mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã. Hỗ trợ xây dựng công cụ, phần mềm, quan trắc, thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng. Mua sắm, đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai theo quy định	đồng/năm	Mức chi hỗ trợ căn cứ theo quy định của pháp luật hiện hành
3.3	Hỗ trợ sắp xếp, di chuyển dân cư ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm *(Di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cấp có thẩm quyền do nguy cơ sạt lở, lũ, lụt, thiên tai)*	đồng/căn nhà	Tối đa không quá 30.000.000 đồng
3.4	Tập huấn và duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, tình nguyện viên phòng, chống thiên tai	đồng/lớp/năm	Mức chi theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên

			tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều